

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLNS

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2022

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán  
ngân sách nhà nước năm 2023, kế  
hoạch tài chính - ngân sách nhà  
nước 03 năm 2023 - 2025.

Kính gửi:

- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường;
- Cục Thống kê;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Thực hiện Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.*

Ngày 13/6/2022, Sở Tài chính đã có ban hành Công văn số 1416/STC-QLNS về việc xây dựng dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2023 gửi các đơn vị thực hiện; Công văn số 1675/STC-QLNS ngày 06/7/2022 về việc báo cáo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách năm 2022, dự kiến nhu cầu năm 2023; Công văn số 1772/STC-QLNS ngày 17/7/2022 về việc đôn đốc gửi báo cáo xây dựng dự toán thu NSNN năm 2023.

Đến thời điểm hiện nay Sở Tài chính đã nhận được báo cáo xây dựng dự toán Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 và báo cáo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách năm 2022, dự kiến nhu cầu năm 2023 của các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên để có đủ cơ sở và số liệu chính xác xây dựng báo cáo của tỉnh và phục vụ thảo luận dự toán với Bộ Tài chính, đề nghị các đơn vị tiếp tục rà soát, tổng hợp số liệu dự toán năm 2023 và kế hoạch tài chính 3 năm 2023-2025 và hoàn thiện báo cáo gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Hiện nay vẫn chưa có văn bản chính thức của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán 2023 và kế hoạch tài chính 3 năm 2023-2025. Để đảm bảo thời gian cũng như số liệu thảo luận dự toán với Bộ Tài chính. Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 như sau:

### **A. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022**

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp, văn bản điều hành của cấp có thẩm quyền về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, các quyết định của UBND các cấp về giao dự toán NSNN, kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn NSNN, các quyết định bổ sung trong quá trình điều hành NSNN năm 2022, các văn bản của cấp có thẩm quyền về chế độ thu thuế, phí, lệ phí; chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp về thu tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân; các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN.

#### **I. Đánh giá tình hình thực hiện thu năm 2022**

Căn cứ kết quả phát triển kinh tế - xã hội, thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm, trong đó tập trung làm rõ các thuận lợi, khó khăn, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN năm 2022, khả năng thực hiện thu NSNN năm 2022, kiến nghị các giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được giao.

- Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2022, trong đó lưu ý làm rõ:

+ Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

+ Tác động của biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, giá cả vật tư là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa nông sản khác, biến động trên thị trường bất động sản; tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

+ Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số

43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

- Đánh giá công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2022; kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2022 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2022. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2022 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài hoàn thuế giá trị gia tăng) theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai; thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan; thu ngân sách từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, khai thác mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (Nghị định số 148/2021/NĐ-CP).

- Báo cáo kết quả phối hợp giữa các sở, ngành và các huyện, thành phố trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá

tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đơn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2022 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đánh giá các khoản thu được để lại năm 2022 theo quy định đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định của các cấp thẩm quyền, chi tiết nguồn NSNN, nguồn phí để lại, các khoản thu được quy định tại các Luật chuyên ngành khác hoặc quy định tại các văn bản pháp luật khác mà Luật NSNN, Luật Phí và lệ phí chưa quy định cụ thể là nguồn thu NSNN (dưới đây gọi là thu nghiệp vụ), khoản trích qua công tác thanh tra, kiểm toán và số ước sử dụng năm 2022.

- Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2022 theo từng lĩnh vực chi**

### **1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2022**

- Đánh giá tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2022: Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN; việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT giữa các sở, ngành, huyện, thành phố năm 2022; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

- Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT của NSNN năm 2022, chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

+ Chi ĐTPT từ nguồn chi cân đối NSNN (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2022 theo quy định):

Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2022, dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/12/2022; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSĐP, đề nghị chi tiết vốn cân đối NSĐP, vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn ngoài nước, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2021, kế hoạch vốn năm 2022, kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2022, kèm theo thuyết minh). Báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2022 từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất.

Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2022 từ nguồn thu này. Trường hợp phát sinh thu tiền xử lý nhà đất năm 2022 nhưng chưa có dự toán đầu năm và có nhiệm vụ chi từ nguồn này đầy đủ điều kiện, thủ tục thực hiện, thì cơ quan, đơn vị báo cáo thành một mục riêng trong báo cáo dự toán NSNN năm 2023 để trình các cấp thẩm quyền bổ sung dự toán thu, chi năm 2022 theo quy định.

+ Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31/12/2021; ước số xử lý trong năm 2022; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2022 (chi tiết từng dự án).

+ Chi ĐTPT theo hình thức hợp tác công tư: Đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao theo Nghị định số 69/2019/NĐ-CP của Chính phủ; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

+ Đánh giá việc chuyển đổi các nhiệm vụ, dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tác tư sang hình thức NSNN đầu tư trực tiếp 100% và tác động đến NSNN, việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2022 (nếu có).

+ Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2022, dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ ĐTPT năm 2022 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành năm 2022, chi tiết theo từng dự án và nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ);

- Đối với các nguồn ngoài cân đối NSNN: đánh giá việc phê duyệt, bố trí nguồn, kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT năm 2022 theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực chi.

## **2. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi:**

- Tình hình phân bổ, giao, điều chuyển, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tách riêng các nhiệm vụ thuộc Chương trình và các nhiệm vụ được điều chuyển, bổ sung nguồn vốn của Chương trình, theo từng lĩnh vực chi.

+ Tình hình phân bổ, giao, điều chuyển, bổ sung dự toán chi ĐTPT các chương trình, dự án thuộc Chương trình phục hồi;

+ Tình hình, phân bổ, giao, điều chuyển, bổ sung dự toán chi ĐTPT các chương trình, dự án, nhiệm vụ không thuộc Chương trình phục hồi;

- Tình hình triển khai thực hiện

+ Tình hình giải ngân các chương trình, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

+ Tình hình giải ngân các chương trình, dự án không thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được điều chuyển, bổ sung dự toán;

### **3. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT khác của NSNN năm 2022**

- Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2022.

- Đối với các nhiệm vụ tín dụng theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

+ Tình hình giao dự toán, hướng dẫn, giải ngân gói tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

+ Tình hình giao dự toán, hướng dẫn, giải ngân gói tín dụng cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

### **4. Tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2022**

Đánh giá tình hình thực hiện năm 2022 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

**5. Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.**

## **III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 theo từng lĩnh vực chi (kể cả nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Nghị quyết số 43/2022/QH15)**

**1. Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022 theo từng lĩnh vực chi được giao; trong đó tập trung làm rõ tình hình triển khai thực thực hiện chính sách, biện pháp trong phòng chống, dịch Covid-19 (tập trung làm rõ tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19), phòng chống thiên tai, đảm bảo**

quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn nguồn NSNN trong 6 tháng, dự kiến cả năm 2022; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) Đối với chế độ, chính sách: Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

b) Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2022, lũy kế giai đoạn 2016 – 2022, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị (Kết luận số 17-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy;

- Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó chi tiết số đã sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương.

- Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP), Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (Nghị định số 143/2020/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

c) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2022 và lũy kế đến hết năm 2022, chi tiết theo từng mục tiêu (báo cáo chi tiết dự kiến số lượng đơn vị sự nghiệp công lập từng lĩnh vực, theo từng mức độ tự chủ; số thu sự nghiệp công, số NSNN chi hỗ trợ và tổng chi (nguồn thu sự nghiệp, nguồn NSNN hỗ trợ) đối với từng lĩnh vực sự nghiệp, từng đơn vị sự nghiệp công lập; tổng số biên chế theo từng lĩnh vực sự nghiệp; số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2022).

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2022 và lũy kế đến năm 2022 (trong đó: đánh giá số giảm chi từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp theo từng lĩnh vực (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục – đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị).

d) Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2022 đối với từng chính sách, tổng kinh phí ước thực hiện. Đối với các chính sách liên quan đến chuẩn nghèo mới theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021, đề nghị báo cáo cụ thể tình hình thực hiện, khó khăn, vướng mắc, kinh phí phát sinh tăng thêm.

Tiếp tục hoàn thiện, báo cáo đầy đủ theo các mẫu biểu tại Công văn số 1675/STC-QLNS ngày 06/7/2022 (số liệu báo cáo có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

đ) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại không đưa vào cân đối NSNN; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

e) Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

g) Tình hình thực hiện các chế độ chính sách phát sinh khác.

h) Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 30/3/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức phụ cấp chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND; Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 07/3/2020 của UBND tỉnh quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

i) Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ thường xuyên đã, đang thực hiện: Đánh giá việc phê duyệt, bố trí kinh phí, kết quả thực hiện so với mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển tiếp (nếu có); trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, đề án theo quyết định giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện tương ứng; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

**3. Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng, thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch**



bệnh ở người và trên gia súc, gia cầm, cây trồng; tình hình sử dụng dự phòng ngân sách thực hiện đến 30/6/2022 (chi tiết cấp huyện, cấp xã). Số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2022 (chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí chống hạn, hỗ trợ bão lũ, thiên tai, dịch bệnh; kinh phí phòng, chống dịch Covid-19).

#### **4. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác**

- Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, các đơn vị chủ quản, các sở ngành tỉnh, các huyện thành phố thực hiện báo cáo:

+ Tình hình xây dựng các văn bản theo quy định để triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình;

+ Tổng mức kinh phí cho Chương trình theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 đối với từng CTMTQG (cụ thể nguồn NSTW, NSDP (NS tỉnh, NS huyện); nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có), theo từng lĩnh vực chi (nếu có);

+ Việc bổ sung, phân bổ, giao dự toán năm 2022 (gồm cả dự toán năm 2021 chuyển sang) đối với từng CTMTQG; tiến độ giải ngân, khả năng thực hiện năm 2022, chi tiết đối với từng nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn ĐTPT, chi thường xuyên; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có), theo từng lĩnh vực chi;

+ Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

- Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

+ Các sở ngành đơn vị dự toán, các huyện thành phố đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2022, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2022 (nếu có) theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá rà soát việc giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

+ Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao; làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương với vai trò là cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban

Quản lý dự án và các cơ quan có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

### **5. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương**

Các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và khoản 3, mục II Công văn số 187/STC-QLNS ngày 19/01/2022 của Sở Tài chính về hướng dẫn thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

### **6. Các huyện, thành phố đánh giá thêm một số nội dung sau**

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách miễn, giảm thu do thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trường hợp có hụt thu, các địa phương thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2 Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2022 và khoản 7 Điều 9 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

- Tình hình phân bổ, giao dự toán, khả năng thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2022, theo từng lĩnh vực chi (bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung trong năm theo quy định), chi tiết: nguồn chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (tình hình thu, chi, quản lý, sử dụng số thu), trong đó:

+ Việc bố trí dự toán, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn tạm ứng, ứng trước năm 2022, số còn lại dự kiến hết năm 2022, đề xuất việc xử lý

+ Tình hình giao, thực hiện, giải ngân chi ĐTPT nguồn ngân sách huyện 6 tháng đầu năm và đánh giá cả năm 2022

+ Việc thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15: tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, bổ sung dự toán, phân bổ, tổ chức thực hiện, đánh giá khả năng giải ngân đến 31/01/2023 đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình và việc bổ sung dự toán, giải ngân các chương trình, dự án, nhiệm vụ không thuộc Chương trình, được đẩy nhanh tiến độ; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

+ Số kinh phí bố trí cho chi ĐTPT từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và từ chi khác ngân sách (nếu có)

- Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2022 (báo cáo cụ thể đối tượng, kinh phí thực hiện). Đối với các chính sách

an sinh xã hội theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, kinh phí thực hiện chế độ chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và có hiệu lực thi hành sau ngày 01 tháng 9 năm 2021, trong đó xác định nhu cầu NSNN, phần NST hỗ trợ, phần NSDP đảm bảo theo quy định; Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo các quy định; việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số NST hỗ trợ có mục tiêu cho NSDP - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 30/6/2022, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2022.

Việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, khả năng giải ngân cả năm đối với nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết số 43/2022/QH15. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra.

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án công trình của các huyện, thành phố; thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tình hình thu, chi, quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương trong năm 2022.

- Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, trường hợp giảm thu NSDP phải giảm chi tương ứng để đảm bảo cân đối; chủ động sử dụng dự phòng NSDP còn lại (nếu có), nguồn tăng thu NSDP năm 2021 chuyển sang năm 2022 (phần còn lại sau khi đã dành nguồn 70% để cải cách tiền lương – nếu có) để hỗ trợ bù hụt thu NSDP...

## **7. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2022**

Các Sở, ban, ngành và huyện, thành phố được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu – chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng và dự kiến cả năm 2022; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

### **B. Xây dựng dự toán NSNN năm 2023**

Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2023 được thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND các cấp thông qua.

Các cơ quan đơn vị tỉnh, các cấp ngân sách trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2022, bám sát mục tiêu và nhiệm vụ

phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và giai đoạn 2021-2025 của ngành, lĩnh vực và địa phương để xây dựng dự toán năm 2023 đảm bảo sát thực tiễn.

Trên cơ sở dự thảo Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán 2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến các địa phương, để đảm bảo công tác xây dựng dự toán NSDP năm 2023 kịp thời. Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị thực hiện, sau khi có Thông tư chính thức ban hành, nếu có sự thay đổi, Sở Tài chính tiếp tục hướng dẫn các đơn vị phối hợp thực hiện bổ sung.

## **I. Xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2023**

### **1. Xây dựng dự toán thu nội địa**

- Xây dựng dự toán thu nội địa năm 2023 không kê thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân tăng khoảng 7-9% so với ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn.

Xây dựng dự toán phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2022, những đặc thù của năm 2022 và số kiểm tra dự toán thu năm 2023 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, không dành dư địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phân đầu thu, phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2023 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế.

- Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2023 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2023. Các đơn vị, các huyện thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và cấp dưới trực thuộc phối hợp chặt chẽ trong công tác dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước), nâng cao chất lượng xây dựng dự toán, khắc phục tình trạng dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai chưa sát với thực tế trong thời gian qua.

- Dự toán thu từ sắp xếp lại nhà đất, xử lý tài sản công, thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.

- Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế giá trị gia tăng, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, Thanh tra.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí) tích cực, chi tiết theo từng khoản thu (trong đó dự toán: tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định).

- Đối với khoản thu học phí, phí dịch vụ sự nghiệp công, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác (không thuộc danh mục theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

## **2. Xây dựng dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu**

Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu; sự chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng phát sinh mới; dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022; Xét đến các yếu tố tác động như: dự kiến biến động giá trong nước và giá thị trường quốc tế của những mặt hàng có số thu NSNN lớn; biến động giá dầu thô trên thế giới; tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của các đối tác thương mại chiến lược; tác động giảm thu từ việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và thực thi cam kết trong năm 2023.

**3. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT phát sinh theo quy định của Luật thuế GTGT, gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng để đảm bảo đúng thực tế phát sinh, đúng chính sách chế độ.**

**4. Dự toán thu NSNN cần dự kiến phần hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật.**

## 5. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2023; các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2023.

Các cơ quan, đơn vị chỉ được chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại khi có dự toán thu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các khoản thu viện trợ phát sinh sau thời điểm trình dự toán làm vượt mức dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn viện trợ cho ĐTP) hoặc Sở Tài chính (đối với vốn viện trợ cho chi thường xuyên) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Đối với các khoản viện trợ đã được tiếp nhận từ năm 2022 trở về trước chưa có dự toán được giao, các khoản viện trợ mới, chưa có trong kế hoạch trung hạn (đối với chi ĐTP), các cơ quan, đơn vị lập và tổng hợp vào dự toán năm 2023 để làm thủ tục bổ sung kế hoạch trung hạn, giao dự toán, hạch toán, quyết toán theo chế độ quy định.

## II. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023

### 1. Xây dựng dự toán chi ĐTP

a) Dự toán chi ĐTP: Căn cứ đánh giá thực hiện năm 2022, dự kiến định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, dự kiến kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025<sup>1</sup>, dự toán chi ĐTP được xây dựng, chi tiết từng nguồn (chi đầu tư XD CB, chi đầu tư từ đất, chi từ nguồn XSKT....) cho các nhiệm vụ đầu tư theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn<sup>2</sup>, việc điều chuyển nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022 và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Ưu tiên bố trí dự toán năm 2023 để đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh, có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội; thanh toán nợ xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước NSNN, bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ đủ vốn theo giá trị quyết toán được duyệt, bao gồm cả vốn NSNN cam kết tham gia trong các dự án đầu tư cơ sở hạ

<sup>1</sup> Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

tăng do các doanh nghiệp làm chủ đầu tư; bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định và các dự án đầu tư chuyển tiếp cần tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021-2025 (nếu có); các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với Nghị quyết 43/2022/QH15, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, việc điều chuyển nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022; tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2023...

c) Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

d) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

e) Đối với vốn nước ngoài: việc bố trí kế hoạch vốn ngoài nước phải phù hợp với nội dung của Hiệp định vay vốn nước ngoài; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc năm 2023. Đối với các Hiệp định, thỏa thuận, cam kết mới (nếu có) phải trong danh mục kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025. Trường hợp chưa có trong kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025, phải thực hiện bổ sung vào danh mục kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025.

g) Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT nguồn sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2023, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2023; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan Kế hoạch và đầu tư và cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

h) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Lập dự toán các nhiệm vụ ĐTPT (bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp (nếu có) theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị)) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

## **2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên**

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và sổ kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi, triệt để tiết kiệm, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó, cần lưu ý:

a) Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tiết giảm chi phí; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

b) Tăng cường trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hoặc cơ sở tính của các chế độ, chính sách đối với từng đơn vị, từng huyện, thành phố. Khắc phục những tồn tại khi xây dựng dự toán quá cao so với khả năng cân đối của ngân sách địa phương như trùng lặp về đối tượng thụ hưởng, thiếu nhiệm vụ chi làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng dự toán chung của toàn tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định; Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ mới về cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025), riêng đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016.

d) Dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW; trong đó, quỹ lương tính theo biên chế được giao (nếu có) hoặc theo Kết luận số 28-KL/TW, trên cơ sở đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2023 so với năm 2022; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, khuyến khích thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định....



Đánh giá tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); (ii) giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên); (iii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành. Trong đó, biên chế năm 2023 là biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

e) Dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Cụ thể:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

- Năm 2023, mức tinh giản biên chế hưởng lương từ NSNN các lĩnh vực sự nghiệp thực hiện theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có), đảm bảo mức giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022, theo đó giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

- Trên cơ sở dự kiến đầy đủ các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật để xác định: tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên; tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

g) Thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) so với dự toán năm 2022 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị..., tăng chi từ nguồn thu sự nghiệp công; dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển, cải cách tiền lương, thực hiện chuẩn nghèo, chi trợ cấp xã hội.

## 2.2. Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2023

a) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác; Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, tiếp tục xây dựng theo quy định của pháp luật về tự chủ đơn vị sự nghiệp.

b) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí thực hiện nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên sư

phạm; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên tình nguyện; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình...

c) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh phí, giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

d) Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Chi hoạt động kinh tế từ nguồn phí sử dụng đường bộ, căn cứ các tiêu chí phân bổ kinh phí theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải báo cáo dự toán phương án phân bổ kinh phí năm 2023 gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán kinh phí NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2023-2025 của Sở Giao thông vận tải.

Căn cứ số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông do ngành Công an thực hiện năm trước liền kề năm hiện hành, Công an tỉnh đề xuất cụ thể nhiệm vụ chi (kèm thuyết minh chi tiết nhiệm vụ chi, đơn vị chi), tổng hợp cùng báo cáo dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch 3 năm 2023-2025 theo quy định.

đ) Chi quản lý hành chính xây dựng trên cơ sở:

- Số biên chế được giao năm 2023 (nếu có), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 6 năm 2022, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2023 nêu trên.

- Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, trong đó bao gồm cả quỹ lương theo biên chế thực có mặt, quỹ lương biên chế dự kiến tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế, giảm quỹ lương gắn với tinh giản biên chế.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định (trong đó xác định rõ kinh phí bảo đảm xây dựng, hoàn thiện pháp luật là kinh phí đầu tư cơ bản cho hạ tầng pháp lý theo Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị

quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020) và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các Sở, ban, ngành và huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý căn cứ thực tế số tiền bồi thường năm hiện hành và dự kiến kinh phí bồi thường trong 6 tháng cuối năm 2022 để đề xuất dự toán kinh phí bồi thường năm 2023, báo cáo cùng dự toán chi thường xuyên năm 2023 của cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2023 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2023.

### 2.3. Đối với các huyện, thành phố

- Báo cáo thuyết minh cụ thể nhu cầu, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2022 và nhu cầu năm 2023 theo quy định.

- Trên cơ sở dự toán thu NSNN năm 2023, Sở Tài chính xây dựng trình cấp có thẩm quyền phương án chi cân đối NSDP năm 2023 phù hợp với khả năng cân đối của NSNN. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách năm 2023, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NST và ngân sách từng huyện, thành phố xác định lại và số bổ sung cân đối năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung ngân sách cho chính quyền cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để áp dụng từ năm 2023.

**3. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, đề án khác:**

- Đối với dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ Luật NSNN, Luật Đầu tư công, trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các văn bản hướng dẫn triển khai, kế hoạch trung hạn được giao (nếu có), số kiểm tra được thông báo, khả năng thực hiện năm 2022, các cơ quan chủ quản chương trình xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2023 và dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2023-2025 theo từng cơ quan, đơn vị tỉnh và từng huyện thành phố, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn

NSTW, NSDP (trong đó NS Tỉnh, NS Huyện), nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác, các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có) gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng báo cáo dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch 3 năm 2023-2025 của cơ quan, đơn vị.

- Đối với các chương trình, dự án, đề án khác: các sở ngành và các huyện thành phố căn cứ quyết định phê duyệt, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2022, thực hiện lập dự toán, tổng hợp chung vào báo cáo dự toán chi thường xuyên năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định về quản lý NSNN.

**4. Dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công:**

- Năm 2023, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương, kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị trung ương 7 (khóa XII) về thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Các cơ quan đơn vị và các huyện tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương

**5. Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.**

**6. Bố trí dự phòng NSNN: Ngân sách các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015.**

**7. Kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2023.**

**8. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:**

Các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố.

**9. Các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi đã làm việc với Sở Tài chính, các huyện,**

thành phố triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2023 của địa phương mình, để khi nhận dự toán ngân sách HĐND tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo thời gian theo đúng quy định của Luật NSNN.

#### **10. Xây dựng kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2023; lập kế hoạch thu – chi tài chính năm 2023 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

### **C. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025**

#### **I. Lập kế hoạch thu NSNN**

**1. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023 – 2025** trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2022 – 2024, dự toán thu NSNN năm 2023, đánh giá tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19, khả năng phát triển trong giai đoạn 2023 – 2025 phù hợp chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 – 2030, kế hoạch phát triển KT-XH và kế hoạch tài chính 5 năm 2021 – 2025, các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu, tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

**2. Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2023 – 2025** được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, tốc độ tăng thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) bình quân chung tăng khoảng 8-9%/năm, tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 5%/năm.

**3. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023-2025** tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

**4. Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ; thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài**

chính cùng cấp theo quy định.

## **II. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025**

**1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025** được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2022-2024 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31/3/2022, số ước thực hiện năm 2022, trần chi ngân sách giai đoạn 2023-2025 do cơ quan có thẩm quyền thông báo; trong đó thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia) đã hết thời gian thực hiện hoặc mới được phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

**2.** Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2024, năm 2025. Đồng thời các đơn vị lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực, hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; cần tính toán, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2023-2025, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

Đối với Nghị quyết số 18-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện đến hết năm 2022, dự kiến cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ về hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2023-2025 và các tác động kinh phí NSNN theo từng mục tiêu, nhiệm vụ.

Đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2022 và các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt (nếu có), thực hiện lập dự toán tương tự dự toán năm 2023, với mức giảm biên chế hưởng lương từ NSNN hàng năm theo Đề án được phê duyệt (nếu có) hoặc hàng năm giảm bình quân tối thiểu 2%/năm và nội dung trình nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2023 áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025.

**3.** Đối với các nguồn ngoài ngân sách: lập kế hoạch thu, chi từng năm 2023-2025 theo quy định hiện hành, chi tiết các khoản thu theo quy định, các nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo lĩnh vực chi, từ nguồn phí, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính, đầu tư cùng cấp.

**4.** Về dự toán chi cân đối NSDP năm 2024, 2025 được tính toán và xác định trên cơ sở thu điều tiết tính theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 và số bổ sung cân đối từ ngân sách

cấp trên do cơ quan có thẩm quyền thông báo, các nội dung trình 5 năm 2021-2025 về kinh tế-xã hội. Trong đó:

- Về chi ĐTPT: Chi đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết tương ứng theo số thu, thực hiện theo các văn bản hiện hành.

- Về chi thường xuyên: xác định trên cơ sở nhu cầu chi tiền lương, thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn, chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo phân cấp, gắn với việc cơ cấu lại và tiết kiệm chi thường xuyên thông qua sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

**5. Lập kế hoạch nguồn thực hiện cải cách tiền lương:** Thực hiện cơ chế tạo nguồn tiền lương theo quy định.

#### **D. Biểu mẫu báo cáo**

##### **1. Đối với dự toán năm 2023**

Các đơn vị các ngành, các huyện thành phố đã báo cáo biểu mẫu theo Công văn 1416/STC-QLNS ngày 13/6/2022 của Sở Tài chính, rà soát lại theo quy định tại văn bản này, có báo cáo đánh giá và biểu báo cáo bổ sung gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp, đồng thời tiếp tục thực hiện như sau:

##### **1.1. Các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố**

- Thực hiện các biểu mẫu báo cáo theo công văn 1416/STC-QLNS ngày 13/6/2022 về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, cụ thể:

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên, thực hiện chương trình MTQG, chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn NSNN, vốn ngoài nước (nếu có) năm 2022, xây dựng dự toán chi ngân sách 2023 báo cáo theo các mẫu biểu số 05, 06, 07, 08, 09, 11.1, từ 12.1 đến 12.5, từ 13.1 đến 13.12 (theo từng sự nghiệp), 14,15.1, 15.2, 18, 28 (các nội dung thuộc ngành, đơn vị theo dõi, quản lý), 23, 24, 25 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và mẫu biểu đính kèm Công văn này.

- Ngoài ra, các đơn vị là cơ quan thường trực các chương trình dự án ODA và vay ưu đãi từ nguồn chính phủ vay về cho vay lại lập biểu mẫu 01 kèm theo công văn này.

- Tổng hợp bổ sung các biểu báo cáo nhu cầu và quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp theo số liệu quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022, dự kiến năm 2023 theo mẫu biểu 2a, 2b, 2c, 2d ban hành kèm theo công văn này.

- Đối với các chế độ chính sách do ngân sách trung ương: báo cáo theo các mẫu biểu tại công văn số 1675/STC-QLNS ngày 06/7/2022 của Sở Tài chính.

- Đối với các chế độ chính sách do ngân sách tỉnh đảm bảo: báo cáo theo biểu số 05, 06 kèm theo công văn này.

- Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu số 03, 04 ban hành kèm theo công văn này.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thực hiện các biểu mẫu báo cáo theo công văn 1416/STC-QLNS ngày 13/6/2022 về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; các mẫu biểu theo quy định và xây dựng dự toán CT MTQG.

- Đối với Sở Nội vụ:

Phối hợp đánh giá các nội dung liên quan đến điểm b, c khoản 2, mục III, phần A; điểm d, e, khoản 2, mục II, phần B.

## 1.2. Đối với các huyện, thành phố

Ngoài các mẫu biểu nêu trên, các huyện, thành phố báo cáo thêm các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ.

1.3. Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan báo cáo các biểu mẫu theo công văn 1416/STC-QLNS ngày 13/6/2022 về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

## 2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025

2.1. Đối với Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh: thực các mẫu biểu theo Công văn số 1827/STC-QLNS, ngày 23/7/2022 của Sở Tài chính và các mẫu biểu theo quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan.

### 2.3. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Về kế hoạch đầu tư công cung cấp số liệu cho toàn tỉnh theo Biểu mẫu số 01, 07 và biểu mẫu số 04 (mục 1 - chi ĐTPT của địa phương) quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

Đánh giá các nội dung liên quan đến chi ĐTPT, Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ, vốn Trái phiếu chính phủ, Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA....

2.4. Cục Thống kê tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội: phối hợp cung cấp số liệu theo biểu mẫu số 01 và 07 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

2.5. Đối với các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh: Mẫu biểu từ số 13 đến số 19 quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

### 2.6. Đối với các huyện, thành phố:

Từ mẫu biểu số 01 đến số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 thì UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan đơn vị dự toán thụ hưởng ngân sách cấp huyện không phải là đối tượng lập kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm. Tuy nhiên để phục vụ công tác xây dựng kế



hoạch tài chính-NSNN 03 năm của tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng báo cáo gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở tổng hợp, lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm của tỉnh.

#### **E. Về thời gian gửi báo cáo**

Đối với báo cáo đánh giá dự toán NSNN năm 2022, xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025 về Sở Tài chính **trước ngày 01/8/2022** để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn xây dựng dự toán 2023, xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện, đảm bảo thời gian theo quy định.

Trong quá trình xây dựng dự toán năm 2023, nếu có những chính sách chế độ mới ban hành hoặc các nội dung hướng dẫn mới theo Thông tư của Bộ Tài chính, Sở Tài chính sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2023 đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính (Phòng Quản lý ngân sách, số điện thoại: 02053. 87.580; Phòng Hành chính sự nghiệp 02053.871.581; Phòng Tài chính Đầu tư 02053.877.070) để cùng phối hợp thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo sở;
- KBNN Lạng Sơn;
- Văn phòng, Thanh tra, các phòng thuộc Sở;
- Phòng TCKH các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Toàn**